

Số: **1492/TCT-CS**

Hà Nội, ngày **9** tháng **5** năm **2013**

V/v giải đáp vướng mắc về thuế
bảo vệ môi trường và thuế tiêu
thụ đặc biệt đối với xăng, dầu.

Kính gửi: Công ty cổ phần lọc hoá dầu Nam Việt;

Trà lời công văn số 1831/NV-TCKT ngày 18/3/2012 của Công ty cổ phần lọc hoá dầu Nam Việt về việc giải đáp vướng mắc về chính sách thuế, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về thuế bảo vệ môi trường

- Tại Điều 3 và Điều 5 Luật thuế bảo vệ môi trường quy định:

“Điều 3. Đối tượng chịu thuế

1. Xăng, dầu, mỡ nhờn, bao gồm:

...

e) Dầu nhờn;

g) Mỡ nhờn.”

“Điều 5. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế bảo vệ môi trường là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này”.

- Tại Khoản 4, Điều 7, Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Bảo vệ môi trường quy định:

“4. Thuế bảo vệ môi trường chỉ phải nộp một lần đối với hàng hoá sản xuất hoặc nhập khẩu. Trường hợp hàng hoá xuất khẩu đã nộp thuế bảo vệ môi trường nhưng phải nhập khẩu trở lại Việt Nam thì không phải nộp thuế bảo vệ môi trường khi nhập khẩu.

Đối với các tổ chức, cá nhân mua hàng hoá đã được nộp thuế bảo vệ môi trường về để sản xuất, kinh doanh thì thuế bảo vệ môi trường của hàng mua được hạch toán vào giá vốn hàng hoá hoặc giá thành sản phẩm sản xuất. Đối với các tổ chức, cá nhân bán hàng hoá chịu thuế bảo vệ môi trường thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá đã bao gồm thuế bảo vệ môi trường”.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty cổ phần lọc hoá dầu Nam Việt mua dầu của các nhà cung cấp trong nước như Tổng công ty dầu Việt Nam, Saigon Petro khi mua số dầu này đã có thuế bảo vệ môi trường rồi thì Công ty cổ phần lọc hoá dầu Nam Việt không phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với số lượng dầu mà bên bán đã kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường.

2. Về thuế tiêu thụ đặc biệt

- Tại Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008 quy định:

+ Tại Điều 5 quy định về căn cứ tính thuế

“Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt”.

+ Tại Khoản 2, Điều 8 quy định

“2. Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng nguyên liệu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nếu có chứng từ hợp pháp thì được khấu trừ số thuế đã nộp đối với nguyên liệu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp ở khâu sản xuất”.

- Tại Khoản 1, Điều 4, Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt:

“Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng}}{1 + \text{Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt}}$$

Trong đó, giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng”.

- Tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 113/2011/NĐ-CP ngày 8/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16/3/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế tiêu thụ đặc biệt quy định:

“1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt}}$$

Trong đó, giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng”.

- Tại Thông tư số 05/2012/TT-BTC ngày 5/1/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2009 và Nghị định số 113 /2011/NĐ-CP ngày 8 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2009 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt quy định:

- Tại Điểm b, Khoản 6, Điều 3 quy định hồ sơ, thủ tục đối với hàng hoá thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như sau:

“b) Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Cơ sở sản xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTDB theo quy định tại khoản 6 Điều này nếu dùng vào mục đích khác thì phải kê khai nộp thuế TTDB khâu nhập khẩu với cơ quan hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp cơ sở sản xuất nap-ta (naphtha), condensate, chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác trong nước trực tiếp bán cho các cơ sở khác để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm (trừ sản xuất xăng) thì khi xuất hóa đơn, trên hóa đơn ghi rõ hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế TTDB.

Cơ sở sản xuất sản phẩm mua hàng trực tiếp từ cơ sở sản xuất nap-ta (naphtha), condensate, chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTDB theo quy định tại khoản 6 Điều này nếu tiêu thụ (bán ra) trong nước hoặc xuất dùng vào mục đích khác thì cơ sở mua hàng phải kê khai, nộp thuế TTDB đối với các loại hàng hoá này khi tiêu thụ (bán ra) trong nước hoặc xuất dùng vào mục đích khác...”.

+ Tại Điều 5 quy định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt

“Giá tính thuế TTDB của hàng hóa, dịch vụ là giá bán hàng hoá, giá cung ứng dịch vụ của cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa có thuế TTDB, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và thuế giá trị gia tăng, được xác định cụ thể như sau:

1. Đối với hàng hoá sản xuất trong nước, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt}}$$

Trong đó, giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường xác định theo pháp luật về thuế bảo vệ môi trường”.

+ Tại Điều 8 quy định về khấu trừ thuế

“Người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng các nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa bán ra.

Trường hợp người nộp thuế sản xuất đồng thời ra xăng, dầu và các dung môi hóa dầu bằng các nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa bán ra.

Điều kiện khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt được quy định như sau:

- Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế TTDB để sản xuất hàng hoá chịu thuế TTDB thì chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTDB là chứng từ nộp thuế TTDB khâu nhập khẩu.

- Đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước:

+ Hợp đồng mua bán hàng hoá, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hoá do cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất; Bản sao Giấy chứng nhận kinh doanh của cơ sở bán hàng (có chữ ký, đóng dấu của cơ sở bán hàng);

+ Chứng từ thanh toán qua ngân hàng;

+ Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTDB là hoá đơn GTGT khi mua hàng. Số thuế TTDB mà đơn vị mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định = giá tính thuế TTDB nhân (x) thuế suất thuế TTDB; trong đó:

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{\text{Giá mua chưa có thuế GTGT (thể hiện trên hóa đơn GTGT)} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt}}$$

Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa bán ra.

Việc khấu trừ tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện khi kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế TTĐB} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số thuế TTĐB phải nộp} \\ \text{của hàng hoá chịu thuế} \\ \text{TTĐB xuất kho tiêu thụ} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số thuế TTĐB đã nộp} \\ \text{hoặc đã trả ở khâu nguyên} \\ \text{liệu mua vào tương ứng} \\ \text{với số hàng hoá xuất kho} \\ \text{tiêu thụ trong kỳ} \end{array}$$

Căn cứ các quy định nêu trên thì:

1. Số thuế tiêu thụ đặc biệt của Công ty cổ phần lọc hoá dầu Nam Việt đã trả khi mua hàng được khấu trừ xác định như sau:

Công ty căn cứ giá bán ghi trên hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ để xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá tính thuế} \\ \text{tiêu thụ đặc} \\ \text{biệt} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá bán chưa} \\ \text{có thuế} \\ \text{GTGT} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thuế bảo vệ môi trường} \\ \text{(nếu có)} \end{array}}{1 + \text{Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt}}$$

Số thuế TTĐB mà đơn vị mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định = giá tính thuế TTĐB nhân (x) thuế suất thuế TTĐB.

2. Hồ sơ kê khai khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt

- Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế TTĐB để sản xuất hàng hoá chịu thuế TTĐB thì chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là chứng từ nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu.

- Đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước hồ sơ bao gồm: Hợp đồng mua bán hàng hoá, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hoá do cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất; Bản sao Giấy chứng nhận kinh doanh của cơ sở bán hàng (có chữ ký, đóng dấu của cơ sở bán hàng); Chứng từ thanh toán qua ngân hàng; Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là hoá đơn GTGT khi mua hàng.

Trường hợp Công ty cổ phần lọc hoá dầu Nam Việt mua trực tiếp hàng hoá thuộc đối tượng không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại

Khoản 6, Điều 3, Thông tư số 05/2012/TT-BTC nêu trên của các cơ sở sản xuất nap-ta (naphtha), condensate, chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác trong nước để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm (trừ sản xuất xăng) thì khi xuất hóa đơn, trên hóa đơn bên bán phải ghi rõ hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Tổng cục Thuế trả lời để Công ty cổ phần lọc hoá dầu Nam Việt được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế (BTC);
- Vụ Pháp chế (TCT);
- Cục Thuế TPHCM;
- Lưu: VT, CS (2b).

**KT.TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn